**TRI THỨC VỀ BẢO VỆ RỪNG TRONG LUẬT TỤC THÁI**

 Th.S Lò Thị Hồng Nhung

Khoa KHXH- Đại học Tây Bắc

1. **Khái quát chung**

Tri thức trong Luật tục Thái về bảo vệ rừng là toàn bộ những hiểu biết của con người về rừng. Những hiểu biết này được hình thành và tích luỹ trong quá trình trải nghiệm, ứng xử lâu dài với núi rừng và tồn tại nhiều hình thức khác nhau (tín ngưỡng, kinh nghiệm, luật tục….) đồng thời được lưu truyền từ đời này sang đời khác bằng trí nhớ và thực hành xã hội.

Rừng nguồn tài nguyên gắn liền với cuộc sống hàng ngày của dân tộc Thái. Vì vậy, họ có một hệ thống kiến thức và kinh nghiệm sản xuất rất phong phú trong việc bảo vệ, phát triển, sử dụng tài nguyên rừng. Tuy nhiên, đặc trưng của tri thức trong luật tục là phạm vi sử dụng hẹp, chỉ phù hợp với điều kiện về văn hoá, phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa phương nhất định nhưng có khi lại không phù hợp với địa phương khác, dân tộc khác; được hình thành và biến đổi liên tục qua các thế hệ trong mỗi cộng đồng.

1. **Tri thức về bảo vệ rừng trong Luật tục Thái**

 **2.1 Quan niệm của người Thái về vai trò của rừng với bảo vệ tài nguyên đất**

Người Thái đã sớm phát hiện và khẳng định coi rừng là ô, là tóc của đất (*Pá lỏ phồm, lỏ xũ pảy đìn*). Đất hết rừng nước cạn, ngàn hết cây lạch khô, đất hết cây đất chết, đất chết hết sự sống (*Đìn mết pá nặm hảnh, pũ mết mạy đìn tài, đìn tài tễnh lài báu nhẵng đảy*).

Rừng rất cần cho sự sống con người. Rừng là nguồn tích nước; là mỏ thức ăn (*Kẵm khảu dú nẳng đìn, kẵm kìn dú nẳng pá* - Miếng cơm ở trong đất, thức ăn ở trong rừng); là nguồn nhiên liệu thắp sáng, thổi nấu, rèn đúc; là nguồn vật liệu xây dựng, đồ dùng; là nguồn dược liệu để chữa bệnh, bồi bổ sức khỏe, kéo dài tuổi thọ.

Người Thái có câu: “Tai pá phăng, nhăng pá liệng” - có nghĩa là: Sống rừng nuôi, chết rừng chôn. Như vậy, rừng là nơi con người hái rau rừng, lấy thuốc chữa bệnh, thuốc nhuộn vải, săn bắt thú rừng. Khi mùa màng thất bát thì rừng là nơi cung cấp củ mài, bột báng giúp đồng bào qua con đói.

Ông cha khuyên bảo, vào rừng chớ chém quàng, chặt bậy để cho cây nó to, đất mát, lúc cần thiết mới chặt, mới đốn.

Trước đây muốn được công nhận một đơn vị hành chính là mường *(mưỡng)*. Bất cứ mường nhỏ hay mường to, ngoài dân số, đất canh tác buộc phải có 5 cánh rừng và một cái ao chung của mường. Đó là: Rừng vào mường *(đồng tù tỉ)*, rừng ra mường *(đồng tù xửa)*, rừng cúng *(đồng xền)*, rừng kiêng *(đồng kẵm)*, rừng ma *(pá heo)*.

Nếu năm khu rừng này đều có đàn vượn đua nhau hót líu lo thì được chọn làm mường yên ổn ấm no.

Rừng không chỉ là nơi cung cấp tài nguyên, lương thực, thực phẩm và điều hoà môi trường sống mà còn có chức năng thông tin (thông tin môi trường, thông tin xã hội, thông tin văn hoá...). Trong đó, *những thông tin về văn hoá đóng vai trò quan trọng*. Thông qua việc tìm hiểu các tập quán và cách ứng xử của người Thái với các nguồn tài nguyên rừng để tìm hiểu tri thức và kinh nghiệm dân gian của người Thái. Nguồn tri thức này được phản ánh cả trong luật tục, tập quán,ca dao tục ngữ, trong thơ ca, truyện kể của người Thái, thấm đẫm trong các ứng xử của người Thái với rừng.

**2.2 Các loại rừng và tập quán bảo vệ rừng**

Các bản xưa đều có rừng và được phân làm nhiều loại như sau:

- Loại thứ nhất là rừng đầu nguồn (tiếng Thái gọi là "*pá hùa bó*", "*pá hùa ta*" hay "*đồng ngượk*"): Là nơi trú ngụ của thần thuồng luồng (*pùa ngượck*). Theo quan niệm của người xưa, đây là vị thần có nhiệm vụ cho nước sản suất và sinh hoạt, chính vì vậy, rừng đầu nguồn rất linh thiêng và được bảo vệ nghiêm ngặt. Hàng năm, vào mùa khô hạn, những dòng họ lớn được quản lý rừng đầu nguồn phải làm lễ cúng ở cạnh mó nước bằng con lợn hoặc đôi vịt, đôi gà để cầu xin “*pùa ngượk*” cho nước sớm để bà con cày ruộng ("*Xò nặm phồn lỗng háy kả, xò nặm phạ lỗng háy nã*", nghĩa là: Xin nước mưa xuống làm ruộng mạ, xin nước trời xuống làm ruộng cấy). Việc khai thác gỗ ở những khu rừng này được nghiêm cấm hoàn toàn vì nếu đổ cây sẽ làm thần tức giận, ảnh hưởng đến việc cung cấp nước thường xuyên. Đặc biệt là những cây cổ thụ có hình thù kỳ quái được coi là “nhà” của thần (“*Kò hãy mưỡng phạ, kò bả mưỡng bồn, mạy pền khồn, kỗn pền nuốt, phít lột báu pền hẳm*”, nghĩa là cây đa ở mường trời, cây si là của thượng đế, có râu như cụ già, cấm chặt phá).

 - Loại thứ hai là rừng thiêng (tiếng Thái gọi là "*đồng kẵm*"): Những cây trên khu rừng này hầu hết thuộc nhóm 3, nhóm 4 như: trò chỉ, nghiến nghệ, đinh, lim... thường rất đẹp, thẳng tắp. Phía dưới tán cây, thực bì mỏng nhưng nó thường tạo nên một không gian lạnh lẽo, ghê rợn. Trước đây rừng này có nhiều thú dữ, chuyên ăn thịt người và gia súc. Người Thái quan niệm rằng, những cây gỗ cổ thụ này là do những bộ phận còn lại của người hay con thú bị hổ báo bắt đến đây ăn thịt biến thành. Nên gỗ ở đây không ai dám khai thác, vì họ sợ oan hồn những người hay thú chết sẽ trừng phạt họ.

- Loại rừng thứ ba là rừng để làm nương rẫy gọi là "*pá láu*": Là đất nơi bằng phẳng, rừng tái sinh. Ngày xưa, quỹ đất này khá rộng so với dân cư hồi đó, nên người ta chia ra từng khoảnh để phát nương cho từng năm. Năm đầu mới phát gọi là "*hay lao*", năm thứ hai phát cỏ trồng lại gọi là "*hay lộc*", năm thứ ba phát cỏ làm lại một lần nữa gọi là "*hay lựm*". Người Thái chủ yếu chỉ làm nương từ hai đến ba năm là "*hay lao*" và "*hay lộc*", "*hay lựm*". Sau đó bỏ hoá cho rừng mọc tự nhiên thành "*pá láu*". Sau 10 đến 12 năm lại có thể làm nương lại được.

- Loại thứ tư là “*pá húa*" hay "*đòn húa*”: Là khu rừng có các động vật quý hiếm như hươu, nai, hoãng, don, nhím... dân dùng để săn bắt cộng đồng. Những cánh rừng này thường có nhiều núi đá và hang động kỳ vĩ. Rừng có nhiều cây cổ thụ và một số loài cây mọc chênh vênh trên vách đá, thiên hình vạn dạng. Luật cũ quy định: Rừng để săn bắt tuyệt đối không phát quang, không chặt những cây có quả và loại cỏ mà thú dùng làm thức ăn vì làm như vậy chúng sẽ chạy đi chỗ khác hoặc tìm đến ăn lúa, hoa màu của người, không được phá bỏ những cây sống trên vách đá vì chúng là những vị thuốc quý cho các loại thú rừng.

- Loại thứ năm là “*pá đồng xỗng kốt*”: Tức những nơi xa khu dân cư còn nguyên nét hoang sơ. Trướng đây, vì xa xôi, cách trở nên không ai đến khai phá rừng, chỉ có ít người thường đến săn bắt thú quý, nhưng họ vẫn tự giác chấp hành các luật tục cũ đã quy định, thậm chí còn làm các thủ tục xin thần để được săn bắt. Tục cũ quy định tránh săn bắt thú quý vào mùa sinh sản, không săn hết đàn, không bắt hết tổ (“*nhã kìn tễnh xáy, nhã báy tễnh hẵng*”).

- Loại rừng thứ sáu là rừng tha ma (*pá heo*): Là nơi an táng người đã khuất. Ở mỗi bản hay mường đều giành một khoảng đất để làm nơi chôn người chết. Với rừng này, người Thái hoàn toàn kiêng kỵ việc phá rừng, chặt cây. Chỉ khi có người chết họ mới chặt một số cây để làm nhà mồ cho người chết. Theo tập quán người Thái xưa, người mất sau khi đã chôn cất và làm nhà mồ xong là hết, không bao giờ quay lại sửa chữa, chăm sóc mộ mả như một số dân tộc khác. Ở một số nơi, gắn liền với tập tục ma chay của họ, các cây rừng tại khu vực đó chuyên chỉ để an táng cho người chết, mỗi một người chết đi, họ sẽ vào "rừng ma" để chặt hạ một cây gỗ, đem về làm quan tài cho người chết, nhưng khi chặt một cây thì phải trồng lại từ năm đến mười cây...

Nhìn dưới góc độ khoa học, những khu rừng thiêng chính là những khu rừng có giá trị bảo vệ đầu nguồn sinh thủy, tạo nên sự cân bằng sinh thái, là nơi bảo tồn những nguồn gien vô cùng quí hiếm, đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc

**2.3 Các tín ngưỡng bảo vệ rừng**

Trải qua hàng ngàn năm sống với tự nhiên, sống với núi rừng, người Thái nói riêng và người miền núi nói chung đã hiểu được các quy luật của tự nhiên. Từ đó, họ đã đặt ra những luật tục bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên. Thần thánh hoá và thêu dệt nên sự huyền bí cho luật tục, nhằm răn đe những ai muốn xâm phạm hệ sinh thái bền vững của tự nhiên. Họ cho rằng khu rừng thiêng là nơi ngự trị của thần linh, đó là nơi che chở cho muông thú mà con người không được động đến. Nếu ai xúc phạm sẽ bị thần linh trừng phạt. Nhiều nơi còn cho là: những con thú rừng bị người đi săn bắn bị thương chạy trốn vào rừng thiêng cũng được thần linh bảo vệ, người đi săn nếu đuổi con thú mà nó đã chạy vào rừng thiêng thì cũng phải dừng lại, không truy đuổi nữa...

Trước đây, cứ vài năm một lần, người ta phải tổ chức lễ cúng trâu tại những cánh rừng thiêng. Nghi lễ cúng được các mo mường đảm nhiệm. Lễ cúng diễn ra suốt ngày, các chàng trai, cô gái nhảy múa trong tiếng trống chiêng và hát những bài hát có ý nghĩa: cầu cho mưa thuận gió hoà, trồng lúa lúa tốt, trồng ngô thì được bắp to...

Chính những điều cấm kị như vậy đã ngẫu nhiên biến rừng thiêng trở thành nơi trú ngụ an toàn của nhiều loài động thực vật quý hiếm. Bao đời rồi, người Thái vẫn sống bình yên như vậy và truyền nhau lưu giữ những điều cấm kỵ, để họ còn có được một cánh rừng già hiếm hoi, quý giá như chính sự sùng kính tổ tông và những điều thiêng liêng nhất.

Người Thái đời này sang đời khác vẫn nhắc nhau rằng: “ Hiêm pá vạy lun lăng chắng mả/ Vạy haử nặm chu bó lay lơng/ Phaư chứ đảy khót nặn măn chắng pên côn” - có nghĩa là: Giữ rừng cho muôn đời phát triển/ Để cho muôn mỏ nước tuôn trào/ Ai nhớ được câu ấy thì mới thành người. Hay câu: “ Pá đông xông cột/ Mạy pên khôn/ Côn pên nuốt/ Pá cắm đông kheo/ Mạy hua ta/ Nga hua bó/ Pá tắm đin piêng/ Pá heo đông căm/ Pá cấm đông xên…”. Có nghĩa là: Cây có lông (có nghĩa là cây cổ thụ), như người già có râu, rừng xanh bát ngát, là rừng đầu nguồn, rừng đầu mó nước, rừng ngút ngàn tít tắp, rừng cúng tế, rừng kiêng, rừng linh thiêng… Bảo vệ rừng để cho hôm nay, cho ngày mai và cho muôn đời thế hệ: “ Có rừng, có cây, có hoa quả chín. Chim muông, ong bướm, muôn loài sẽ đến. Nếu không muôn loài ong bướm và chim muông sẽ bỏ đi. Đó là lẽ thường tình tự nhiên thôi”.

Trải qua hàng ngàn năm chung sống hòa thuận với rừng, hiểu được quy luật của rừng, dân tộc Thái tôn trọng rừng và đặt ra những qui định về việc bảo vệ rừng được cộng đồng tôn trọng như những luật tục. Mỗi khu vực những khu rừng cấm thường gắn với những truyền thuyết, giai thoại, mang tính huyền bí…

**2.4 Các yếu tố liên quan đến việc khai thác tài nguyên rừng**

*Phục vụ sản xuất nông nghiệp:* Người Thái có truyền thống canh tác ruộng nước, nổi tiếng với vựa lúa lớn Mường Tấc, huyện Phù Yên. Giữ rừng chính là giữ nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, với nền nông nghiệp lúa nước truyền thống từ lâu đời, với hệ thống thủy lợi *“*Mương - Phai - Lái – Lin” tương đối hoàn chỉnh, người Thái đã chủ động được nguồn nước tưới tiêu cho việc trồng lúa, nuôi cá, phục vụ cuộc sống hàng ngày.

 *Khai thác gỗ làm nhà sàn:* Người Thái ở nhà sàn như đã xác định trong thành ngữ “Nhà có gác, sàn có cột” (hươn mi hạn quản mi xau). Nếp nhà được cấu trúc bởi các cây thân gỗ và các gióng như tre, vầu, nứa…; lợp bằng cỏ tranh hoặc bằng ngói hoặc bằng prô xi măng hoặc bằng mái tôn hoặc mái bằng. Nếp nhà sàn thể hiện văn hóa tâm linh và chứa đựng nơi quần tụ cộng đồng những người thuộc cùng dòng máu cha. Việc làm nhà sàn của người Thái có khai thác gỗ khoảng 50 m3 trở lên và lâm sản ngoài gỗ. Điều này, ảnh hưởng đến tài nguyên rừng nếu không được quản lý tốt.

 *Các công cụ sinh hoạt hàng ngày:* Việc sử dụng gỗ và các lâm sản ngoài gỗ như mây, tre… để làm nguyên liệu cho các nghề thủ công truyền thống, sản xuất ra các công cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày như mâm, chõ xôi, ghế, bàn, ếp, thuyền….

 *Sử dụng làm thuốc chữa bệnh:* Trong cộng đồng người Thái có những kiến thức để khai thác và sử dụng cây rừng làm thuốc chữa các bệnh như: đau bụng, cảm cúm, gãy xương, dạ dày bệnh xơ gan, ngừa thai, chữa bệnh yếu sinh lý…. Tất cả các loại cây, lá thuốc nam đều được khai thác từ rừng.

*Làm thực phẩm phục vụ nhu cầu hàng ngày:* Trước đây, rừng chính là nơi cung cấp các loại thực phẩm cho đồng bào hàng ngày: từ các loại rau, măng, nấm được thu hái theo mùa đến các loại côn trùng, các loại thú săn bắn được, có thể nói rằng là ngồn thức ăn rất lớn cho con người.

 *Làm thuốc nhuộm:* Ngoài việc trồng cây chàm để nhuộm, thì người Thái khai thác nhiều loại cây, cánh kiến để nhuộm màu từ thiên nhiên, chủ yếu là khai thác từ rừng.

**3. Đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy hệ thống tri thức trong luật tục dân tộc Thái về bảo vệ rừng và các nguồn tài nguyên khoáng sản trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách bền vững**

*Thứ nhất về công tác tuyên truyền, phổ biến:*

- Tăng cường công tác tuyên truyền về tri thức bản địa, phong tục tập quán của dân tộc Thái đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng *(Báo, Đài tiếng nói Việt Nam Khu vực Tây Bắc, Đài Phát thanh -Truyền hình địa phương…)* đến mọi tầng lớp nhân dân.

- Tăng cường công tác phổ biến các quy định và cụ thể hóa, thể chế hóa các quy định chung của Nhà nước và của tỉnh về văn hóa dân tộc Thái. Các văn bản hướng dẫn phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu để mọi người dân dễ dàng tiếp thu và tự giác chấp hành.

- Tăng cường các hoạt động giới thiệu, tuyên truyền quảng bá sản phẩm du lịch địa phương thông qua hội chợ, hội nghị, triển lãm du lịch, phát hành sách, tờ rơi, ấn phẩm, băng đĩa hình, thông tin trên mạng internet...

Tổ chức các cuộc thi kể chuyện; tìm hiểu về tục ngữ, thành ngữ, ca dao của dân tộc Thái; tìm hiểu về danh nhân và các địa danh gắn với những đặc sản nổi tiếng của địa phương có liên quan đến người Thái.

*Thứ hai, xây dựng các chương trình, dự án độc lập hoặc lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển khác để bảo tồn giá trị của các tri thức bản địa của người Thái về một số lĩnh vực*

Nghiên cứu và ứng dụng đề tài, dự án về văn hóa dân tộc Thái vào thực tế công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản làm tăng hiệu quả của công tác bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường.

Phát triển vùng nguyên liệu bông vải phục vụ công nghiệp chế biến và các nghề truyền thống.

Phát triển hàng thổ cẩm và thị trường cho các sản phẩm dệt của người Thái.

Bảo tồn các ngôi nhà truyền thống, ghi chép lại cách thức dựng nhà cũng như vật liệu được dùng làm nhà để cho các thế hệ sau cũng như khách thăm quan được biết.

Phổ biến kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong cộng đồng, có hình thức bảo vệ phát triển các loài cây thuốc trong tự nhiên cũng như thử nghiệm gây trồng trong vườn nhà.

Xây dựng quy ước bảo vệ rừng thiêng và tài nguyên khoáng sản từ đó có thể nhân rộng sang các cộng đồng khác.

*Thứ ba, thống kê toàn bộ các loại hình văn hóa của dân tộc Thái*

Văn hoá của dân tộc Thái có khá nhiều loại hình, rất đa dạng, phong phú. Do đó, việc nghiên cứu, thống kê, phân loại các loại hình:

*Về văn hóa vật thể:* Kiến trúc nhà ở, dụng cụ lao động sản xuất, đồ gia dụng, phương tiện vận chuyển, nhạc cụ....

*Về văn hóa phi vật thể:* Truyện kể, văn thơ, địa chí, hương ước, ca dao, tục ngữ, câu đố, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, ca múa nhạc, dân ca, trò chơi, ẩm thực, các nghề thủ công truyền thống, lịch sử của địa phương và từng địa danh...

*Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*

Đẩy mạnh công tác xây dựng xây dựng bản văn hóa và gia đình văn hoá.

Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và hỗ trợ cho hoạt động văn hoá ở cơ sở, nhất là ở các nhà văn hoá, trạm truyền thanh, điểm bưu điện văn hoá và các thiết chế văn hoá truyền thống ở các vùng dân tộc.

Phát triển và hỗ trợ để phát huy các đội văn nghệ ở các cơ sở, điểm dân cư hoạt động phục vụ cho đồng bào tại chỗ.

Chỉ đạo, tổ chức và hỗ trợ các hình thức giao lưu văn hoá dân tộc Thái như Ngày hội văn hoá thể thao, các cuộc liên hoan hoặc thi về văn hoá nghệ thuật quần chúng về gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Thái ở các quy mô khác nhau,…

Tổ chức vận động mọi đối tượng tham gia sưu tầm, sáng tác phản ánh đời sống vật chất, tinh thần, các giá trị tinh hoa và lý luận trong vấn đề gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc Thái để có nội dung hoạt động cho phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở.

*Thứ năm, tăng cường hoạt động nghiên cứu lý luận*

Gắn chặt hoạt động lý luận về công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản với tri thức bản địa của dân tộc Thái và thực tiễn của tỉnh; Mở rộng và phát huy dân chủ trong hoạt động nghiên cứu lý luận; Tăng cường đầu tư ngân sách cho hoạt động lý luận; Có cơ chế chính sách thu hút nhân lực hoạt động nghiên cứu lý luận, đào tạo lại và sử dụng cán bộ lý luận; Rà soát lại các đơn vị làm chức năng nghiên cứu và giảng dạy lý luận và xác định rõ chức năng nghiên cứu cho từng cơ quan; Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu lý luận về giá trị các tri thức bản địa của dân tộc Thái.

1. ***Phát huy những giá trị của tri thức trong luật tục Thái làm cơ sở đề xuất một số giải pháp về bảo vệ rừng gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống của người dân tộc Thái***

*Thứ nhất, xây dựng và nhân rộng các mô hình trồng rừng và bảo vệ rừng*

Mô hình trồng rừng sản xuất với các loại cây trồng như bạch đàn, Mác Ca, Sơn Tra… trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn phù hợp

Mô hình trồng và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất gắn với việc trồng các cây dược liệu (gừng, sa nhân, bình vôi…) hoặc cây lâm sản ngoài gỗ (mây…) trong đồng bào dân tộc Thái ở địa phương.

Mô hình trồng cây công nghiệp xen cây lâm nghiệp ví dụ như: Mô hình sản xuất chè trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mộc Châu, Yên Châu, Thuận Châu, Mai Sơn; Mô hình sản xuất cà phê trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Thuận Châu, Mai Sơn, Sốp Cộp và thành phố Sơn La; Mô hình sản xuất quả xoài trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Sông Mã, Mường La, Yên Châu, Sông Mã, Phù Yên, Bắc Yên; Mô hình sản xuất quả chuối trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Yên Châu, Sông Mã, Phù Yên; Mô hình sản xuất quả nhãn trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Sông Mã, Phù Yên, Mường La, Yên Châu, Mộc Châu, Bắc Yên và thành phố Sơn La; Mô hình sản xuất quả mận trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Yên Châu, Mộc Châu và thành phố Sơn La; Mô hình sản xuất quả Sơn Tra (táo mèo) trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Phù Yên, Bắc Yên, Mường La; Mô hình sản xuất quả na trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Thuận Châu và thành phố Sơn La.

Mô hình trang trại, gia trại nuôi bò thịt, trâu thịt, ngựa, dê trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mường La, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên.

Mô hình làng nghề truyền thống như: Làm các sản phẩm *(bàn, ghế, vật dụng phục vụ sinh hoạt hàng ngày)* từ nguyên liệu mây, tre trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện Mộc Châu, Mai Sơn, Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Vân Hồ, Mường La, Sông Mã; Dệt thổ cẩm trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Yên Châu, Mộc Châu, Vân Hồ và thành phố Sơn La; Làm đồ trang sức có sử dụng đồng, vàng, bạc như châm cài, cúc bướm, vòng đeo tay, nhẫn… trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn 11 huyện, thành phố Sơn La.

Mô hình cộng đồng quản lý, bảo vệ các nguồn tài nguyên khoáng sản trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mộc Châu, Mường La, Sông Mã, Sốp Cộp.

 Mô hình du lịch sinh thái, du lịch cảnh quan, du lịch mạo hiểm, du lịch nghiên cứu, du lịch văn hóa gắn với các khu rừng bảo vệ nghiêm ngặt, khu rừng phòng hộ trong đồng bào dân tộc Thái trên địa bàn các huyện: Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Thuận Châu, Sốp Cộp.

*Thứ hai, giải pháp về cơ chế chính sách*

Triển khai có hiệu quả các chính sách bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản. Tiếp tục rà soát, đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung các chính sách không có hiệu quả hoặc có hiệu quả thấp trong công tác bảo vệ rừng và các nguồn tài nguyên khoáng sản.

Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ vốn để phát triển: Các cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, cần chú trọng đến việc chế biến và tiêu thụ các sản phẩm lâm nghiệp; Hình thành và phát triển các ngành nghề như: làm hàng thổ cẩm, gây trồng và chế biến dược liệu, trồng chè, trồng mây, trồng tre, nuôi ong… nhằm tăng thu nhập, giảm thời gian nông nhàn từ đó có thể giảm áp lực vào rừng.

Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng *(Giao thông; Bưu chính viễn thông; Giáo dục; Trạm xá)* đến các bản trong xã.

Quản lý, bảo vệ và phát triển tốt khu rừng đầu nguồn nhằm đảm bảo nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất cho người dân. Trước hết cần bảo vệ một cách nghiêm ngặt các khu rừng đặc dụng cùng với việc trồng bổ sung một số loài cây có giá trị kinh tế cao trong các khu rừng sản xuất và phòng hộ.

Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân và các thành phần kinh tế tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản.

*Thứ ba, các giải pháp khác*

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch: Sử dụng đất cấp xã; Xây dựng nông thôn mới cấp xã; Công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản, công nghiệp khai khoáng sản, ngành nghề nông thôn cấp tỉnh….

Tạo được cơ sở pháp lý quan trọng cho mọi tầng lớp nhân dân tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng thông qua việc giao đất, giao rừng lâu dài cho các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng.

Xây dựng hệ thống tổ chức và quản lý lâm nghiệp, khoáng sản ở cấp xã. Để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã cần phải xây dựng hệ thống tổ chức quản lý lâm nghiệp và khoáng sản ở cấp xã nhằm tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng theo các quy định của Nhà nước. Tổ chức này cần có sự tham gia của lãnh đạo xã, cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp và đại diện các bản.

Thành lập đội quản lý rừng hoặc tổ bảo vệ rừng ở mỗi bản. Cần có quy định cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của đội quản lý rừng. Có như vậy mới có thể phát huy vai trò của tổ chức này.

Củng cố và xây dựng các tổ chức liên quan (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên...) đến quản lý bảo vệ và phát triển rừng và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản ở cấp xã.

Xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm với chính quyền địa phương để thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ chung như vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng và ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Thái, phát triển các loại hình du lịch trong đó chú trọng du lịch cộng đồng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

|  |
| --- |
| 1.  Cầm Cường (1993*), Tìm hiểu văn học dân tộc* *Thái ở Việt Nam,* Nxb Khoa học Xã hội. |
| 2.   Phan Hữu Dật (1999), *Một số vấn đề dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.225. |
| 3. Trần Trí Dõi (1999), *Ngiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. |
| 4. Nguyễn Văn Hoà (2001), *Truyện cổ và dân ca Thái vùng Tây Bắc Việt Nam,* Nxb VHDT, Hà Nội. |
| 5.  Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu (1998), *Văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, tr. 40. |
| 6.     Hoàng Trần Nghịch - Tòng Kim Ân (1991), *Từ điển Thái - Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.7. Quán Vi Miên (2010), Tục ngữ Thái giải nghĩa, Nxb Dân Trí. |
| 8.   Lò Thị Hồng Nhung (2005), *Tục ngữ Thái Việt Nam: vần, nhịp và hệ thống hình ảnh,* Luận văn thạc sĩ ngữ văn*,* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 9.   Ngô Đức Thịnh, Cầm Trọng (1999), *Luật tục Thái (Tập quán pháp)*, Nxb Văn hóa dân tộc.10.  Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội. |